TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2021.
"*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Bỉ.

2. Ông Trần Văn Lô.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Võ Thị Thu Thủy– Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

Ngày 05/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 203/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST -HNGĐ ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Ngọc B, sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: Ấp x, xã L, huyện T, tỉnh L.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Số xx, Ấp x, xã L, huyện T, tỉnh L.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc B có đơn xin vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2020 có ý kiến như sau: Do quen biết, bà và ông Nguyễn Đức T sống chung năm 2006, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/11/20xx.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung gia đình chồng tại Ấp x, xã L, huyện T, tỉnh L.

Đến năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T không lo làm ăn, chơi cờ bạc. Vợ chồng cải vả nhau và ông T có hành vi đánh bà nên bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2018 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đức T.

Nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày xx/x/20xx. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi con chung, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Bị đơn ông Nguyễn Đức T trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các thông báo về phiên hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng ông T vẫn vắng mặt. Tại đơn xin vắng ngày 26/01/2021 ông T có ý kiến như sau: Ông chấp nhận ly hôn với bà Trần Thị Ngọc và giao con chung là Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh năm 20xx cho bà B nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có.

Do ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc B có đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Trụ giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Đức T và ông T hiện đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Ngọc B có đơn yêu cầu vắng mặt và Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho ông Nguyễn Đức T nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà B và ông T cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng x/20xx cho đến nay. Xét, hôn nhân giữa bà B và ông T có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày x/x/20xx, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa cho ông T và ông T có ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B.

[5] Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên K sinh ngày x/x/20xx. Bà B có yêu cầu được trực tiếp nuôi con và tại đơn xin vắng ngày 26/01/2021 ông T có ý kiến đồng ý giao con chung cho bà B nuôi dưỡng. Xét, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì con chung sống với bà B và tại bản tự khai con chung Thiên K có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của Thiên K theo quy tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử quyết định giao Nguyễn Ngọc Thiên K cho bà B nuôi dưỡng. Do bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Án phí: Bà Trần Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Đức Th.

- Nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 05/6/2008 cho bà Trần Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Án phí: Bà Trần Thị Ngọc B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004347 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà B đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An.
-VKSND huyện Tân Trụ.
-THA DS huyện Tân Trụ.
-Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa